

Số: 13/2021/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 27 tháng 7 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Bổ sung Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và Danh mục công trình, dự án có sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ, dưới 20 héc ta đất rừng đặc dụng, dưới 50 héc ta đất rừng sản xuất năm 2021 trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH  
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và Danh mục công trình, dự án có sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ, dưới 20 héc ta đất rừng đặc dụng, dưới 50 héc ta đất rừng sản xuất năm 2021 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 49/BC-KTNS ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua bổ sung Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và Danh mục công trình, dự án có sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ, dưới 20 héc ta đất rừng đặc dụng, dưới 50 héc ta đất rừng sản xuất năm 2021 trên địa bàn tỉnh. Trong đó:

1. Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: có 233 công trình, tổng diện tích là 1.408,14 héc ta.

2. Danh mục công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ, dưới 20 héc ta đất rừng đặc dụng, dưới 50 héc ta đất rừng sản xuất

a) Công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa: có 135 công trình, diện tích 222,12 héc ta.

b) Công trình, dự án sử dụng dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ: có 21 công trình, diện tích 119,42 héc ta.

c) Công trình, dự án sử dụng dưới 20 héc ta đất rừng đặc dụng: có 02 công trình, diện tích 7,77 héc ta.

d) Công trình, dự án sử dụng dưới 50 héc ta đất rừng sản xuất: có 38 công trình, diện tích 304,39 héc ta.

*(Có Phụ lục I, II, III, IV, V và Danh mục cụ thể tại Biểu 01, 02 ban hành kèm theo)*

Các công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa; dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ, dưới 20 héc ta đất rừng đặc dụng, dưới 50 héc ta đất rừng sản xuất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Danh mục kèm theo này mà không có quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án trong năm 2021 thì được chuyển sang thực hiện trong các năm tiếp theo nhưng không được quá thời hạn 03 năm theo quy định tại Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 27 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 06 tháng 8 năm 2021. /

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh, Chính phủ (báo cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính; Bộ TN&MT;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT Tỉnh ủy (b/cáo), TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể chính trị;
- Sở Tư pháp, các Sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy, ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu VT, hồ sơ kỷ họp.

**CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*

**Hồ Quốc Dũng**

## Phụ lục I

# DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2021/NQ - HĐND ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)

Các công trình, dự án Nhà thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: tổng số có 233 công trình, với diện tích là 1.408,14 héc ta; trong đó:

### 1. Phân theo địa bàn các huyện, thị xã, thành phố

- Huyện An Lão: có 11 công trình, diện tích 8,63 héc ta.
- Huyện Hoài Ân: có 12 công trình, diện tích 24,85 héc ta.
- Thị xã Hoài Nhơn: có 36 công trình, diện tích 216,44 héc ta.
- Huyện Phù Mỹ: có 18 công trình, diện tích 92,40 héc ta.
- Huyện Phù Cát: có 11 công trình, diện tích 159,70 héc ta.
- Huyện Tuy Phước: có 07 công trình, diện tích 100,39 héc ta.
- Huyện Tây Sơn: có 17 công trình, diện tích 159,56 héc ta.
- Huyện Vân Canh: có 03 công trình, diện tích 11,55 héc ta.
- Huyện Vĩnh Thạnh: có 09 công trình, diện tích 19,41 héc ta.
- Thị xã An Nhơn: có 90 công trình, diện tích 268,35 héc ta.
- Thành phố Quy Nhơn: có 19 công trình, diện tích 346,86 héc ta.

### 2. Phân theo mục đích sử dụng đất

a) Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp: có 01 công trình, với diện tích 1,56 héc ta.

b) Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp: có 232 công trình, với diện tích 1.406,58 héc ta, bao gồm:

- Đất phát triển hạ tầng: 145 công trình, diện tích 647,20 héc ta; bao gồm:
  - + Đất cơ sở giáo dục - đào tạo: 07 công trình, diện tích 3,07 héc ta;
  - + Đất giao thông: 97 công trình, diện tích 415,40 héc ta;
  - + Đất thủy lợi: 33 công trình, diện tích 224,30 héc ta;
  - + Đất công trình năng lượng: 07 công trình, diện tích 3,33 héc ta;
  - + Đất xây dựng chợ: 01 công trình, diện tích 1,10 héc ta;
- Đất xử lý chất thải, bãi thải: 02 công trình, diện tích 2,03 héc ta;

  
nm

- Đất ở: 36 công trình, diện tích 375,01 héc ta, bao gồm:
  - + Đất ở nông thôn: 16 công trình, diện tích 155,25 héc ta;
  - + Đất ở đô thị: 20 công trình, diện tích 219,76 héc ta;
- Đất trụ sở cơ quan nhà nước: 02 công trình, diện tích 0,20 héc ta;
- Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 02 công trình, diện tích 13,95 héc ta;
- Đất sinh hoạt cộng đồng: 04 công trình, diện tích 2,01 héc ta;
- Đất Khu vui cho giải trí, sinh hoạt cộng đồng: 05 công trình, diện tích 5,04 héc ta;
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 01 công trình, diện tích 0,03 héc ta;
- Đất cụm công nghiệp: 03 công trình, diện tích 104,60 héc ta;
- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: 03 công trình, diện tích 3,17 héc ta;
- Đất thương mại - dịch vụ: 07 công trình, diện tích 11,17 héc ta;
- Đất vật liệu xây dựng (mỏ đất): 22 công trình, diện tích 242,17 héc ta.

nn c

## Phụ lục II

### DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG DƯỚI 10 HÉC TA ĐẤT TRỒNG LÚA

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2021/NQ - HĐND ngày 27 tháng 7 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)

Các công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa: tổng số có 135 công trình với diện tích 222,12 héc ta, trong đó:

#### 1. Phân theo địa bàn huyện, thị xã, thành phố

- Huyện An Lão: có 06 công trình, diện tích 3,86 héc ta.
- Huyện Hoài Ân: có 06 công trình, diện tích 4,78 héc ta.
- Thị xã Hoài Nhơn: có 22 công trình, diện tích 24,08 héc ta.
- Huyện Phù Mỹ: có 11 công trình, diện tích 19,67 héc ta.
- Huyện Phù Cát: có 04 công trình, diện tích 2,15 héc ta.
- Huyện Tuy Phước: có 03 công trình, diện tích 11,57 héc ta.
- Huyện Tây Sơn: có 11 công trình, diện tích 26,26 héc ta.
- Huyện Vân Canh: có 02 công trình, diện tích 1,38 héc ta.
- Huyện Vĩnh Thạnh: có 03 công trình, diện tích 1,23 héc ta.
- Thị xã An Nhơn: có 62 công trình, diện tích 106,11 héc ta.
- Thành phố Quy Nhơn: có 05 công trình, diện tích 21,03 héc ta.

#### 2. Phân theo mục đích sử dụng đất:

a) *Sử dụng vào mục đích nông nghiệp*: không có công trình

b) *Sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp*: có 135 công trình, với diện tích 222,12 héc ta, bao gồm:

- Đất quốc phòng: 02 công trình, diện tích 1,03 héc ta;
- Đất phát triển hạ tầng: 95 công trình, diện tích 126,01 héc ta; bao gồm:
  - + Đất cơ sở giáo dục - đào tạo: 04 công trình, diện tích 0,86 héc ta;
  - + Đất giao thông: 66 công trình, diện tích 107,14 héc ta;
  - + Đất thủy lợi: 20 công trình, diện tích 17,55 héc ta;
  - + Đất công trình năng lượng: 05 công trình, diện tích 0,46 héc ta;
- Đất ở: 23 công trình, diện tích 80,59 héc ta, bao gồm:
  - + Đất ở nông thôn: 08 công trình, diện tích 17,68 héc ta;
  - + Đất ở đô thị: 15 công trình, diện tích 62,91 héc ta;



*nm*

- Đất sinh hoạt cộng đồng: 02 công trình, diện tích 0,06 héc ta;

- Đất Khu vui cho giải trí, sinh hoạt cộng đồng: 04 công trình, diện tích 3,83 héc ta;

- Đất cụm công nghiệp: 01 công trình, diện tích 0,90 héc ta;

- Đất vật liệu xây dựng: 01 công trình, diện tích 1,56 héc ta;

- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: 01 công trình, diện tích 0,4 héc ta;

- Đất thương mại - dịch vụ: 06 công trình, diện tích 7,74 héc ta.

mm

### Phụ lục III

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG DƯỚI 20 HÉC TA ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2021/NQ - HĐND ngày 27 tháng 7 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)

Các công trình, dự án sử dụng dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ: 21 công trình, với diện tích 119,42 héc ta, trong đó:

### 1. Phân theo địa bàn các huyện, thị xã, thành phố

- Huyện Hoài Ân: có 01 công trình, diện tích 2,50 héc ta.
- Thị xã Hoài Nhơn: có 04 công trình, diện tích 5,77 héc ta.
- Huyện Phù Mỹ: có 03 công trình, diện tích 5,54 héc ta.
- Huyện Phù Cát: có 01 công trình, diện tích 18,36 héc ta.
- Huyện Vân Canh: có 01 công trình, diện tích 4,50 héc ta.
- Huyện Vĩnh Thạnh: có 01 công trình, diện tích 9,09 héc ta.
- Thành phố Quy Nhơn: có 10 công trình, diện tích 73,66 héc ta.

### 2. Phân theo mục đích sử dụng đất

a) *Sử dụng vào mục đích nông nghiệp*: có 01 công trình, với diện tích 2,20 héc ta.

b) *Sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp*: có 20 công trình, với diện tích 117,22 héc ta, bao gồm:

- Đất quốc phòng: 01 công trình, diện tích 1,47 héc ta;
- Đất phát triển hạ tầng: 05 công trình, diện tích 17,66 héc ta; bao gồm:
  - + Đất giao thông: 04 công trình, diện tích 15,92 héc ta;
  - + Đất công trình năng lượng: 01 công trình, diện tích 0,07 héc ta;
- Đất Khu vui cho giải trí, sinh hoạt cộng đồng: 01 công trình, diện tích 0,60 héc ta;
- Đất vật liệu xây dựng (mỏ đất): 11 công trình, diện tích 96,33 héc ta;
- Đất thương mại - dịch vụ: 02 công trình, diện tích 1,16 héc ta.



**Phụ lục IV**

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG  
DƯỚI 20 HÉC TA ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 13/2021/NQ - HĐND ngày 27 tháng 7 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)*

Các công trình, dự án sử dụng dưới 20 héc ta đất rừng đặc dụng: 02 công trình, với diện tích 7,77 héc ta, trong đó:

**1. Phân theo địa bàn các huyện, thị xã, thành phố**

- Thành phố Quy Nhơn: có 02 công trình, diện tích 7,77 héc ta.

**2. Phân theo mục đích sử dụng đất**

- Đất thương mại - dịch vụ: 02 công trình, diện tích 7,77 héc ta.

*nm*  
←



**Phụ lục V**  
**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG**  
**DƯỚI 50 HÉC TA ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT**

*(Kèm theo Nghị quyết số 13/2021/NQ - HĐND ngày 27 tháng 7 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)*

Các công trình, dự án sử dụng dưới 50 héc ta đất rừng sản xuất: có 38 công trình, diện tích 304,39 héc ta, trong đó:

**1. Phân theo địa bàn huyện, thị xã, thành phố:**

- Huyện Hoài Ân: có 03 công trình, diện tích 1,82 héc ta.
- Thị xã Hoài Nhơn: có 08 công trình, diện tích 100,32 héc ta.
- Huyện Phù Mỹ: có 03 công trình, diện tích 21,28 héc ta.
- Huyện Phù Cát: có 03 công trình, diện tích 25,53 héc ta.
- Huyện Tuy Phước: có 01 công trình, diện tích 4,17 héc ta.
- Huyện Tây Sơn: có 04 công trình, diện tích 41,03 héc ta.
- Huyện Vĩnh Thạnh: có 03 công trình, diện tích 5,68 héc ta.
- Thị xã An Nhơn: có 09 công trình, diện tích 87,32 héc ta.
- Thành phố Quy Nhơn: có 04 công trình, diện tích 17,24 héc ta.

**2. Phân theo mục đích sử dụng đất**

a) *Sử dụng vào mục đích nông nghiệp:* có 01 công trình, với diện tích 14,60 héc ta.

b) *Sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp:* có 37 công trình, với diện tích 289,79 héc ta, bao gồm:

- Đất quốc phòng: 02 công trình, diện tích 37,43 héc ta;
- Đất phát triển hạ tầng: 15 công trình, diện tích 42,15 héc ta; bao gồm:
  - + Đất giao thông: 08 công trình, diện tích 39,69 héc ta;
  - + Đất thủy lợi: 03 công trình, diện tích 1,70 héc ta;
  - + Đất công trình năng lượng: 04 công trình, diện tích 0,76 héc ta;
- Đất xử lý chất thải, bãi thải: 01 công trình, diện tích 1,03 héc ta;
- Đất ở: 02 công trình, diện tích 2,74 héc ta, bao gồm:
  - + Đất ở nông thôn: 01 công trình, diện tích 2,28 héc ta;
  - + Đất ở đô thị: 01 công trình, diện tích 0,46 héc ta;
- Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 01 công trình, diện tích 0,50 héc ta;
- Đất cụm công nghiệp: 02 công trình, diện tích 38,65 héc ta;



*nm*

- Đất vật liệu xây dựng (mỏ đất): 13 công trình, diện tích 165,40 héc ta;
- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: 01 công trình, diện tích 1,89 héc ta.

MLC

**BIỂU 01: DANH MỤC BỎ SUNG CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI  
VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2021/NQ - HĐND ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất					
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	
<b>I</b>	<b>HUYỆN AN LÃO</b>			8,63	3,86					4,77
1	Xây dựng tuyến đường dây dẫn điện 35KV thuộc dự án Thủy điện Đông Mít	DTL	Xã An Trung, Xã An Tân, Xã An Hòa, Thị trấn An Lão	0,07	0,02					0,05
2	Xây dựng Cầu Xóm Vạn (Km27+500) tuyến DT.629; Cầu Kiem (Km25+350) tuyến DT.632	DGT	Xã An Hòa	0,02	0,01					0,01
3	Xây dựng Cầu Đốc Tiên (Km22+500) tuyến DT.629	DGT	Xã An Hòa	0,21	0,20					0,01
4	Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở bờ sông An Lão, huyện An Lão	DTL	Xã An Hòa	2,13						2,13
5	Sửa chữa hư hỏng cục bộ, thẩm tăng cường mặt đường, xây dựng hệ thống thoát nước, an toàn giao thông trên tuyến DT. 629, đoạn Km2+890-Km4+650; Km4+650-Km5+00; Km5+00-Km5+800; Km6+770-Km7+800; Km9+600-Km11+200; Km11+300; Km13+110-Km 14+800; Km29+950-Km30+400"	DGT	Thị trấn An Lão	0,50						0,50
6	Nâng cấp, xây dựng cầu Cạn tại đoạn ngập nước Trà Cong, tuyến DT. 629 (Bông Sơn - An Lão)	DGT	Xã An Hòa	1,20	1,20					

1

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)
7	Nâng cấp, cải tạo đường từ ngã ba nhà ông Thao đến giáp đường vào chợ	DGT	Thị trấn An Lão	0,23					0,23
8	Nâng cấp, cải tạo đường từ ngã ba nhà ông Thiến giáp đường bao chợ	DGT	Thị trấn An Lão	0,14					0,14
9	Hoàn trả tuyến đường từ nghĩa trang liệt sỹ An Hòa đến công trình Hồ chứa nước Đồng Mít	DGT	Xã An Hòa, Xã An Tân, Xã An Trung, thị trấn An Lão	0,30	0,19				0,11
10	Hệ thống Kênh tưới Hồ Đồng Mít	DTL	Xã An Trung	2,83	2,24				0,59
11	Bãi rác An Hòa	DRA	Xã An Hòa	1,00					1,00
<b>II</b>	<b>HUYỆN HOÀI AN</b>			<b>24,85</b>	<b>4,78</b>	<b>1,82</b>	<b>2,50</b>		<b>15,75</b>
1	Dự án khắc phục cấp bách tuyến đường từ xã An Hào Tây, huyện Hoài An đi xã An Hòa, huyện An Lão, kết hợp sử dụng làm đường tránh phía tây tuyến ĐT 629 trong mùa mưa lũ	DGT	Xã An Hào Tây	3,03	0,91				2,12
2	Đường nội bộ khu dân cư Đồng Cỏ Hối	DGT	TT Tăng Bạt Hổ	0,01					0,01
3	Đường trong khu dân cư thị tứ Mỹ Thành, xã An Mỹ	DGT	Xã An Mỹ	0,04					0,04
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Diêm Tiêu - Kim Sơn; Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng trên tuyến đường ĐT.629	DGT	Xã An Tường Đông; Xã An Tường Tây, xã An Nghĩa	13,91	0,48	1,30	2,50		9,63
5	Xây dựng cầu Bến Muồng (Km5+850) tuyến ĐT 629	DGT	Xã An Mỹ	2,81	0,88				1,93
6	Tuyến đường Trạm điện đến cầu Tự Tục	DGT	TT Tăng Bạt Hổ, xã An Phong	2,80	2,32				0,48

mm

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất					
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	
7	Xây dựng Cầu Bến Vách (Km14+070) tuyến ĐT.630	DGT	Xã Ân Tường Tây	0,10					0,10	
8	Dự án khác phục lũ lụt sạt lở bờ sông An Lão	DNL	Xã Ân Hào Tây	1,09					1,09	
9	Xây dựng tuyến đường dây dẫn điện 35kV thuộc Dự án Thủy điện Đồng Mít	DNL	Ân Hào Đông, Ân Mỹ	0,08	0,02	0,02			0,04	
10	Xây dựng Nghĩa trang nhân dân thị trấn Tăng Bạt Hồ	NTTD	Xã Ân Đức	0,50		0,50				
11	Khu dân cư Diêu Tường (tái định cư) thuộc Tuyến nâng cấp, mở rộng đường Ân Phong đi Ân Tường Đông)	ONT	Xã Ân Tường Đông	0,40	0,17				0,23	
12	Xây dựng phòng giao dịch ngân hàng TMCP công thương-chi nhánh Hoài Ân	TMĐ	Thị trấn Tăng Bạt Hồ	0,08					0,08	
<b>III THI XÃ HOÀI NHON</b>				<b>216,44</b>	<b>24,26</b>	<b>97,39</b>	<b>1,50</b>		<b>93,29</b>	
1	Chợ phường Tam Quan	DCH	Phường Tam Quan	1,10	0,00				1,10	
2	Mở rộng các trường Trung Học cơ sở và trường Tiểu học số 2	DGD	Tam Quan	0,38	0,11				0,27	
3	Nâng cấp mở rộng đường số 2 (đoạn kết nối đường ĐT638 với đường ĐT639)	DGT	Xã Hoài Châu, Xã Hoài Châu Bắc	1,55	0,35				1,20	
4	Mở rộng các tuyến đường thuộc phường Hoài Xuân	DGT	Phường Hoài Xuân	0,18	0,06				0,12	
5	Đường đi Quốc lộ 1A (chợ Đổ) đến giáp đường ĐT 638	DGT	Phường Hoài Tân	0,50	0,00				0,50	
6	Nâng cấp mở rộng các tuyến đường xã Hoài Mỹ	DGT	Xã Hoài Mỹ	0,89	0,59				0,30	

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)
7	Đường giao thông, nội đồng	DGT	Phường Hoài Thanh Tây	1,70	0,00				1,70
8	Mở rộng các tuyến đường thuộc phường Hoài Thanh	DGT	Phường Hoài Thanh	4,24	0,72				3,52
9	Mở rộng, nâng cấp và thảm nhựa tuyến đường từ UBND phường đến giáp đường Quốc lộ 1A - Gò Dài	DGT	Phường Tam Quan Bắc	1,19	0,20				0,99
10	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thuộc phường Hoài Hào	DGT	Phường Hoài Hào	3,85	0,39				3,46
11	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thuộc xã Hoài Phú	DGT	Xã Hoài Phú	0,36	0,31				0,05
12	Nâng cấp, làm mới các tuyến đường thuộc xã Hoài Châu	DGT	Xã Hoài Châu	0,40	0,20				0,20
13	Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) qua địa bàn thị xã Hoài Nhơn	DGT	Hoài Thanh Tây, Hoài Thanh, Tam Quan Nam	23,90	9,90				14,00
14	Mở rộng tuyến ĐH 09 B Phụng Du - Túy Sơn (điều chỉnh tăng diện tích)	DGT	Phường Hoài Hào	1,23					1,23
15	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Hai Bà Trưng, phường Bồng Sơn (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến Kênh Lại Giang)	DGT	Phường Bồng Sơn	0,03					0,03
16	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối Quốc lộ 1 (tuyến Tài Lương - Ca Công và tuyến Bình Chương - Hoài Mỹ), thị xã Hoài Nhơn, hạng mục tuyến Bình Chương - Hoài Mỹ	DGT	Hoài Đức	2,40					2,40
17	Tuyến đường nội đồng Đồng Chùa thôn Túy Sơn	DGT	Xã Hoài Sơn	0,18	0,18				



STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất					
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	
18	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM)	DGT	Xã Hoài Sơn	6,65		5,15	1,50			
19	Hỗ trợ đầu tư xây dựng tuyến đường thay thế đường Trần Phú	DGT	Phường Hoài Hào	2,10	0,30				1,80	
20	Hoa viên cây xanh khu phố Định Bình Nam	DKV	Phường Hoài Đức	0,05					0,05	
21	Đường dây dẫn điện của Thủy điện Đồng Mít	DNL	Phường Bồng Sơn	0,06	0,01				0,05	
22	Các nhà văn hóa tổ của phường Hoài Tân	DSH	Phường Hoài Tân	1,17	0,03				1,14	
23	Khu sinh hoạt cộng đồng thôn Kim Giao Trung	DSH	Xã Hoài Hải	0,33	0,00				0,33	
24	Các tuyến kênh mương thủy lợi thuộc phường Bồng Sơn	DTL	Phường Bồng Sơn	0,31	0,09				0,22	
25	Xây dựng kè cấp bách sắt lờ, bảo vệ khu dân cư	DTL	Phường Hoài Đức, Phường Hoài Xuân, Xã Hoài Mỹ	10,39	0,02	0,05	0,00		10,32	
26	Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở sông Kim Sơn, phường Hoài Đức, thị xã Hoài Nhơn	DTL	Phường Hoài Đức	0,89	0,20				0,69	
27	Kiên cố hóa kênh mương: Từ Định Trị đến giáp trạm bơm Mỹ Thọ; từ hồ Cây Khế đến giáp bình hạ thế Phú Xuân	DTL	Xã Hoài Mỹ	2,75	2,75				0,00	
28	Hệ thống thoát nước trong khu Quy hoạch Trung tâm cụm phường	DTL	Phường Hoài Thanh Tây	0,82	0,00				0,82	
29	Chỉnh trị dòng chảy suối Găng	DTL	Xã Hoài Châu	0,60	0,35				0,25	
30	Xây dựng tràn suối đất Hậu thôn La Vương	DTL	Xã Hoài Sơn	0,20	0,00				0,20	

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)
31	Đất khu dân cư: - Khu hành chính, dịch vụ và dân cư tuyến đường Bạch Đằng (giai đoạn 2) :0,18ha. - Khu tái định cư vùng thiên tai Bàu Rong (6,30ha)	ODT	Phường Bồng Sơn	6,48	6,30				0,18
32	Khu tái định cư phục vụ GPMB để thi công tuyến đường Bình Chương - Hoài Mỹ (Hoài Đức: 0,66ha, Hoài Mỹ: 0,70ha)	ODT ONT	Hoài Đức, Hoài Mỹ	1,36	0,70	0,46			0,20
33	Khu dân cư xã Hoài Mỹ năm 2021(KH2020 chuyển tiếp)	ONT	Xã Hoài Mỹ	8,40	0,50	2,28			5,62
34	Cụm công nghiệp tại khu phố Giao Hội 2	SKN	Phường Hoài Tân	65,00		24,65			40,35
35	Mô đất thuộc thôn Phú Xuân (10ha), Mô đất Gò Bà Nông (19,20ha), Mô đất phía Nam Đồi Pháo (19,6ha)	SKX	Phường Bồng Sơn, phường Hoài Hảo, phường Hoài Thanh Tây và xã Hoài Mỹ	48,80		48,80			
36	Mô đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) qua thị xã Hoài Nhơn	SKX	Hoài Thanh Tây	16,00		16,00			
<b>IV</b>	<b>HUYỆN PHÙ MỸ</b>			<b>92,40</b>	<b>18,64</b>	<b>21,28</b>	<b>5,54</b>		<b>46,94</b>
1	Trường Mẫu giáo Mỹ Quang	DGD	Mỹ Quang	0,30					0,30
2	Nâng cấp mở rộng tuyến đường Nhà đá - An Lương	DGT	Mỹ Hiệp, Mỹ Cát, Mỹ Chánh	2,40	0,40				2,00

mnc

STT	Công trình, dự án	Loại đất	BÌNH ĐỊA ĐIỂM thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất					
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	
3	Nâng cấp mở rộng các nút giao thông vào tuyến QL1A	DGT	TT Phú Mỹ	0,50					0,50	
4	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ cầu Đàn Rồng đến kênh dẫn Trạm bơm điện Mỹ Trang	DGT	Mỹ Lợi, Mỹ Châu	0,30					0,30	
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Diêm Tiêu - Kim Sơn; Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng trên tuyến đường ĐT.629	DGT	Xã Mỹ Trinh	3,40	1,40				2,00	
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.632, đoạn từ Km0+00 - Km7+100	DGT	Thị trấn Phú Mỹ; Xã Mỹ Quang; Mỹ Chánh Tây; Mỹ Chánh	2,35	0,50				1,85	
7	Xây dựng Cầu Xóm Vạn (Km27+500) tuyến ĐT.629; Cầu Kiếm (Km25+350) tuyến ĐT.632	DGT	Xã Mỹ An	0,20					0,20	
8	Tuyến đường kết nối từ phía tây tỉnh (ĐT638) đến đường ven biển (639)	DGT	Mỹ Thành, Chánh, Chánh Tây, Quang, Trinh và TT Phú Mỹ	44,87	9,95	0,93			33,99	
9	Đường dây 220Kv đầu nối nhà máy điện mặt trời Phú Mỹ vào Trạm 220kv Phú Mỹ	DNL	Mỹ Trinh, Mỹ Phong, Mỹ Lợi, Mỹ An, Mỹ Thẳng	1,05	0,14	0,65	0,07		0,19	
10	Hệ thống thoát nước thị trấn Phú Mỹ	DTL	TT Phú Mỹ	0,90					0,90	
11	Quy hoạch đê An Giang	DTL	Mỹ Đức	0,06	0,06					
12	Quy hoạch công viên	DKV	Mỹ Chánh	2,30	1,49				0,81	
13	Kè chống xói lở suối Bình Trị	DTL	TT Phú Mỹ, Mỹ Quang	3,00					3,00	
14	Quy hoạch Trạm dung chân Mỹ Hiệp	TMĐ	Mỹ Hiệp	2,00	2,00				0	
15	QH trồng cây lâu năm kết hợp du lịch sinh thái	TMĐ	Mỹ Hoà	3,60	2,70				0,90	

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)
16	Mô đất san lấp phục vụ dự án đường ven biển (ĐT.639) đoạn Đề Gi-Mỹ Thành	SKX	Mỹ Chánh	2,47		2,47			
17	Mô đất san lấp thôn Công Trung	SKX	Mỹ Chánh	3,00		3,00			
18	Mô đất san lấp phục vụ đường kết nối từ phía tây tỉnh (ĐT638) đến đường ven biển (ĐT639)	SKX	Mỹ Trinh	19,70	19,70				
<b>VI</b>	<b>HUYỆN PHÙ CÁT</b>			<b>159,70</b>	<b>25,53</b>				<b>71,58</b>
1	Trường Mẫu giáo bán trú xã Cát Minh	DGD	Cát Minh	0,45		0,45			
2	Đường ven biển Bình Định, đoạn từ Cát Tiến - Diêm Vân	DGT	Cát Chánh, Cát Tiến	5,40		4,43			0,97
3	Sửa chữa hư hỏng cục bộ, thâm tăng cường mặt đường, xây dựng hệ thống thoát nước, ATGT trên tuyến ĐT.638 đoạn Km92+400 - Km95+300; Km103+830 - Km107+240; Km108+640 - Km110+660; Km111+300 - Km111+350	DGT	Xã Cát Hiệp	0,50		0,30			0,20
4	Kè chống sạt lở sông La tỉnh	DTL	Cát Hanh	0,69		0,40			0,29
5	TRạm bơm nước thô	DTL	Cát Thắng	0,11					0,11
6	Khu TĐC (phía đông suối Ông Sung) xã Cát Tiến	ODT	Cát Tiến	2,50		1,00			1,50
7	Khu dân cư dịch vụ phía Tây Khu CN Cát Trinh	ONT	Cát Trinh	121,50		56,01			65,49
8	Đất thương mại dịch vụ (ngã ba Chợ Gồm)	TMD	Cát Hanh	0,05					0,05

*mm*

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất					
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	
9	Mở đất san lấp dự án Khu TĐC thôn An Quang, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát phục vụ dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiên-Đê Gi	SKX	Cát Khánh	5,00		5,00				
10	Mở đất san lấp dự án Khu đất ở dịch vụ thương mại tại Km0+280, đường trục Khu kinh tế nói dài	SKX	Cát Thành	8,00		7,53			0,47	
11	Mở đất san lấp dự án đường Cát Tiên-Diêm Vân	SKX	Cát Tường	15,50		13,00			2,50	
<b>VI</b>	<b>HUYỆN TUY PHƯỚC</b>			<b>100,39</b>	<b>82,57</b>	<b>0</b>			<b>17,82</b>	
1	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường từ tỉnh lộ 640 Kỳ Sơn - Vinh Quang	DGT	xã Phước Sơn	0,05					0,05	
2	Mở rộng, Nâng cấp tuyến đường từ Vinh Quang 1 - Dương Thiện	DGT	xã Phước Sơn	1,55	1,5				0,05	
3	Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiên - Diêm Vân	DGT	huyện Tuy Phước	52,87	43,9				8,97	
4	Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây Đầm Thị Nai	DGT	huyện Tuy Phước	29,60	27,1				2,50	
5	Mở rộng nút giao từ QL19 mới đến cầu Bà Di	DGT	Xã Phước Lộc	1,01	0,2				0,81	
6	Khu dân cư phía Nam và phía Bắc đường Tăng Bạt Hổ, khu phố Diêu Trì, thị trấn Diêu Trì.	ODT	thị trấn Diêu Trì	12,78	9,87				2,91	
7	Khu dân cư và dịch vụ thương mại thôn Dương Thiện	ONT	xã Phước Sơn	2,53					2,53	



*me*

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)
VII	<b>HUYỆN TÂY SON</b>			<b>159,56</b>	<b>24,70</b>	<b>41,03</b>			<b>93,84</b>
1	Trường mầm non thị trấn Phú Phong	DGD	Thị trấn Phú Phong	1,02					1,02
2	Nâng cấp, mở rộng đường qua các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia đặc biệt và các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia trên địa bàn huyện Tây Sơn	DGD	Xã Bình Tường	0,55	0,05				0,51
3	Nâng cấp mở rộng QL19B	DGT	Xã Bình Hòa, Xã Bình Thành, Xã Tây An, Xã Tây Bình, Thị trấn Phú Phong	4,25	1,30				2,95
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.636, đoạn từ Km24+00 - Km28+450	DGT	Xã Bình Nghi	3,70	1,70				2,00
5	Sửa chữa hư hỏng cục bộ, tham tăng cường mặt đường, xây dựng hệ thống thoát nước, ATGT trên tuyến ĐT.638 đoạn Km92+400 - Km95+300; Km103+830 - Km107+240; Km108+640 - Km110+660; Km111+300 - Km111+350	DGT	Xã Tây An	0,50	0,30				0,20
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường QL.19B, đoạn từ Km38+200 - Km58+100 (Sân bay Phù Cát - Bảo tàng Quang Trung); Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng trên tuyến đường ĐT.637	DGT	Xã Bình Hòa, Xã Bình Thành, Xã Tây An, Xã Tây Bình, Thị trấn Phú Phong	4,25	1,30				2,95
7	Dự án xây dựng tuyến đường tránh phía Nam thị trấn Phú Phong	DGT	xã Bình Nghi, Tây Xuân, Tây Phú, Bình Tường	44,01	8,53	29,46			6,02

*nr*

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất					
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	
8	Dự án nâng cấp ĐZ 110KV Quy Nhơn - Nhơn Tân - Đồng Phú	DNL	Xã Bình Nghi, Tây Phú, Tây Giang, Tây Xuân, Bình Tường, TT. Phú Phong	0,70	0,20	0,07			0,43	
9	Đất sinh hoạt công đồng	DSH	Xã Bình Nghi	0,48					0,48	
10	Khắc phục lũ lụt sạt lở - kè chống sạt lở bờ sông Côn	DTL	Xã Bình Thành, Thị trấn Phú Phong	6,40	0,31				6,09	
11	Đập dân Phú Phong	DTL	Xã Bình Tường, Bình Thành, Bình Hòa, Bình Nghi, Tây Phú, Tây Xuân, Thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.	70,22					70,22	
12	Khu dân cư thôn An Vinh 1	ONT	Tây Vinh	0,06					0,06	
13	Khu dân cư thôn 2	ONT	Bình Nghi	0,27					0,27	
14	Khu dân cư Tây Xuân	ONT	Tây Xuân	3,05	2,41				0,64	
15	Khu dân cư xã Tây Phú	ONT	Tây Phú	8,60	8,60					



*Handwritten signature or mark.*

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất					
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	
16	Mô đất san lấp dự án Khu dân cư dọc QL19 (mới) xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước (giai đoạn I)	SKX	xã Bình Nghi	6,50	6,50					
17	Mô đất san lấp tại thôn đồng Sim, xã Tây Xuân (phục vụ công trình Đập dâng Phú Phong)	SKX	Xã Tây Xuân	5,00	5,00				0,00	
<b>VIII HUYỆN VÂN CANH</b>					<b>11,55</b>	<b>1,38</b>	<b>4,50</b>		<b>5,67</b>	
1	Đầu tư hệ thống cấp nước cho Khu công nghiệp Becamex Bình Định	SKC	Canh Vinh	1,55	0,40				1,15	
2	Sửa chữa, nâng cấp hồ Suối Máy, thị trấn Vân Canh	DTL	TT Vân Canh	3,36	0,98				2,38	
3	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM)	DGT	Canh Hiệp, Canh Liên	6,64		4,50			2,14	
<b>IX HUYỆN VINH THẠNH</b>					<b>19,41</b>	<b>1,23</b>	<b>9,09</b>		<b>3,41</b>	
1	Xây dựng trường Mẫu giáo Vinh Thịnh (trên trụ sở UBND xã cũ)	DGD	Vinh Thịnh	0,12					0,12	
2	Đất giao thông xã Vinh Hào	DGT	Vinh Hào	0,72	0,40		0,32			
3	BTXM nâng cấp các tuyến đường giao thông liên xã (Vinh Thịnh, Vinh Hiệp, Vinh Hòa, Vinh Hào); Hạng mục: Các tuyến đường giao thông liên xã Vinh Thịnh - Vinh Hiệp	DGT	Vinh Thịnh Vinh Hiệp	0,80					0,80	

*mm*

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất					
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM)	DGT	xã Vĩnh Hào, Vĩnh Sơn, Vĩnh Kim, thị trấn Vĩnh Thanh	14,27	0,80	2,36	9,09		2,02	
5	Xây dựng hệ thống rãnh dọc và xử lý các bất cập hạ tầng giao thông trên các tuyến đường tỉnh	DGT	Xã Vĩnh Quang	0,05					0,05	
6	Đất trụ sở thôn Định Nhất	DSH	Vĩnh Hào	0,03	0,03					
7	Đất ở xã Vĩnh Hòa (thôn M6, M7, M8, M9, Tiên Hòa)	ONT	Vĩnh Hòa	0,37					0,37	
8	Xây dựng nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã	TSC	Vĩnh Thuận	0,05					0,05	
9	Mở đất san lấp phục vụ dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM)	SKX	TT Vĩnh Thành	3,00		3,00				
<b>X</b>	<b>THỊ XÃ AN NHƠN</b>			<b>268,35</b>	<b>107,09</b>	<b>38,22</b>			<b>123,04</b>	
1	Trường mẫu giáo phường Nhơn Hòa (điểm chính Tân Hòa)	DGD	phường Nhơn Hòa	0,25	0,25					
2	Dự án gia cố các hầm yếu kết hợp mở mới các ga và cải tạo kiến trúc tầng trên đoạn Vĩnh - Nha Trang, tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh	DGT	Nhơn Hậu	0,42					0,42	
3	Tuyến đường trục Đông - Tây của thị xã: Đoàn từ bến xe mới thị xã Cầu Muồng Đồi	DGT	Nhơn An, Nhơn Phong	2,45	1,88				0,57	

*MLC*

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)
4	Tuyệt đường Bắc Nam số 3 (Đường liên phường đoạn từ thị đội An Nhơn đến đường N4A (thị xã Đâu tư) (QH: 32m)	DGT	P Nhơn Hưng	0,70					0,70
5	Tuyến đường Bắc Nam số 1, đoạn từ 636 đến Tân Dân Bình Thành (dài 1164m, QH:15m)	DGT	Nhơn Khánh	0,74					0,74
6	Nâng cấp mở rộng tuyến đường BTXM Thái Thuận (đoạn từ ĐT638 đến trường Mầm non Hòa Mỹ)	DGT	Nhơn Phúc	0,04					0,04
7	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cầu Thị Lửa đến khu di tích chi bộ Hồng Lĩnh (qh: 11M, HT:6,5M) DÀI 3200M	DGT	Nhơn Mỹ	0,50					0,50
8	Đường dọc theo kè Trường Thi đoạn từ cầu Trường Thi đến đập Thanh Hòa (về phía Bắc)	DGT	phường Bình Định	4,36	1,90				2,46
9	Nâng cấp tuyến đường đê bao phường Bình Định (giai đoạn 1)	DGT	phường Bình Định	2,52	1,22				1,30
10	Đường HTX Nông nghiệp II đi cầu Mương Đồi	DGT	phường Nhơn Thành	1,43	0,65				0,78
11	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT631 (đoạn từ ngã 3 Bầu Sáo, phường Nhơn Hưng đến chợ Quán Mới, xã Nhơn Hạnh) (Tên cũ: Mở rộng đường ĐT.631 (đoạn xã Nhơn Phong, Nhơn An, Nhơn Hạnh)	DGT	Nhơn Hưng, Nhơn An, Nhơn Phong, Nhơn Hạnh	4,62	2,50				2,12
12	Nâng cấp tuyến đường đê bao phường Bình Định (giai đoạn 2)	DGT	phường Nhơn Hưng	3,14	0,40				2,74

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất					
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	
13	Nâng cấp, mở rộng mặt đường DT.636 (đoạn từ đường sắt phường Bình Định đến ngã tư giao nhau đường Tây tỉnh)	DGT	phường Nhon Hưng, Nhon Khánh, Nhon Phúc	9,15	4,10					5,05
14	Tuyến đường DT 631 - đến Đá Thanh Giang	DGT	Nhon Phong	0,20	0,20					0,00
15	Nâng cấp, mở rộng đường Tăng Bạt Hổ rộng 5m x 1300m	DGT	phường Bình Định	1,20	1,09					0,11
16	Nâng cấp mở rộng tuyến đường kết nối các điểm di tích văn hóa, lịch sử phường Nhon Thành, thị xã An Nhơn	DGT	phường Nhon Thành	1,42	0,60					0,82
17	Nâng cấp mở rộng đường Trương Hán Siêu nối dài (đoạn từ QL 19B đến khu QHDC gần chợ gò Găng); rộng 9m x 300m. (HT: 3m, QH rộng: 12m)	DGT	phường Nhon Thành	0,35	0,00					0,35
18	Nâng cấp mở rộng đường Trương Định (đoạn từ QL 19B đến giáp đường sá) 0,5 ha và công trình Đường đầu nối với quốc lộ 1A; Quy hoạch đường giao thông từ Châu Thành đến Quốc lộ 19B; Quy hoạch đường giao thông từ Phú Thành đến đường ET635 diện tích 2,35 ha.	DGT	phường Nhon Thành	2,85	0,35					2,50
19	Cầu Thiết Tràng xã Nhon Mỹ	DGT	Nhon Mỹ	1,37	0,31					1,06

*mm*

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)
20	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông xã Nhơn Hậu, gồm: Mở rộng nút giao thông (công làng nghề đi Sờ Tây Vân Sơn) 0,02 ha; Mở rộng đường giao (công làng nghề Bùn đến khu QH Ngãi Chánh 4) 1,5 ha; Mở rộng giao thông Trường Mậu giáo Thọ Thanh Danh-dê Thanh Danh 0,67 ha; Mở rộng đường giao thông từ nhà ông Quân đến Nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng Bắc Nhạn Tháp 0,95 ha; Bố vỉa, lát gạch Block và hệ thống thoát nước đoạn đường từ nhà ông Trần Mãi đến giáp nhà ông Phạm Hữu Phát và đoạn từ nhà ông Nguyễn Đình Trùng đến giáp nhà ông Cù Minh Nghĩa) 1,0 ha; Nâng cấp, mở rộng BTXM xây dựng hệ thống thoát nước tuyến đường nhà ông Tùng-hai Voi Đá 0,77 ha; Công trình lát vỉa hè, hệ thống thoát nước đường xã Nhơn Hậu-Đập Đá (đoạn từ nhà ông Việt đến Trường Tiểu học) 0,48 ha.	DGT	Nhơn Hậu	5,39	0,63				4,76
21	BTXM mở rộng tuyến đường Gò Lao đến giáp xã Nhơn Tân	DGT	Nhơn Lộc	0,31	0,20				0,11
22	Đường An Thái nói dài	DGT	Nhơn Phúc	0,26	0,24				0,02
23	Dự án tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía tây đầm Thị Nại	DGT	Bình Định	1,80	1,78				0,02

*unc*

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất					
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	
24	Tuyến đường Bắc Nam số 3 (Đường liên phường đoạn từ đường N4A đến Công làng nghề bún Ngải Chánh)	DGT	Nhon Hưng; Nhon Hậu	5,94	5,60					0,34
25	Tuyết đường N4, khu vực Hòa Cư	DGT	Nhon Hưng	5,53	4,10					1,43
26	Tuyến đường trục Đông - Tây: Đoạn từ DT.636, xã Nhon Khánh kết nối với đường Quốc lộ 19	DGT	Nhon Khánh, Nhon Lộc, Nhon Thọ	9,89	8,30					1,59
27	Mở rộng tuyến đường từ kênh N4 (Thọ Phước)-Thọ Bình-Thọ An Bắc	DGT	Nhon Thọ	1,82	0,90					0,92
28	Cầu Thị Lụa mới	DGT	Nhon Mỹ, Nhon Hậu	1,18	0,74					0,44
29	Tuyến đường Bắc - Nam số 2: Đoạn từ đường BH34, xã Nhon Hậu kết nối với đường Quốc lộ 19B, phường Nhon Thành	DGT	Nhon Hậu, Nhon Thành	9,23	1,60					7,63
30	Nâng cấp mở rộng tuyến DH.41 Cảnh Hàng - Phú Đa	DGT	Nhon An, Nhon Phong, Nhon Hạnh	1,51	1,19					0,32
31	Nâng cấp mở rộng tuyến giao thông Nhon Hậu - Nhon Khánh (đoạn từ đường DH34, xã Nhon Hậu kết nối với đường DT.636, xã Nhon Khánh)	DGT	Nhon Hậu, Nhon Khánh	1,26	1,10					0,16
32	Tuyến đường từ khu tái định cư Quốc lộ 19, Huỳnh Kim đi An Lộc, phường Nhon Hoà	DGT	phường Nhon Hòa	4,23	3,41					0,82
33	Nút giao đường Lê Hồng Phong đầu nối với Quốc lộ 1, phường Bình Định (giai đoạn 2)	DGT	phường Bình Định	0,30	0,30					0,00



*Handwritten signature or mark at the bottom left of the page.*

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)
34	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Phú (giai đoạn 3)	DGT	phường Bình Định	0,71	0,29				0,42
35	Tuyến đường Bắc Nam số 1, đoạn từ 636 đến Tân Dân Bình Thành	DGT	Nhon Mỹ	0,34					0,34
36	Nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông phường Nhon Hưng, gồm: Mở rộng đường giao thông (đoạn từ đường Trường Chinh đến Chùa Thiên Hưng); Mở rộng phối sồi tuyến đường từ trường Chánh Thạnh - Cây Gòn; Mở rộng phối sồi tuyến đường từ trụ sở khu vực An Ngãi-Nhà ông tú 0,12 ha; Mở rộng, bê tông thảm nhựa, lát gạch vỉa hè tuyến đường Chu Văn An 0,1 ha; Mở rộng, bê tông đường giao thông từ nhà ông Thông đến Công ông Quỳnh 0,13 ha; Mở rộng, bê tông đường giao thông từ nhà ông Dũng đến nhà ông Chín 0,03 ha;	DGT	Nhon Hưng	0,38	0,16				0,22
37	Dự án: Tuyến đường trục Bắc Nam đoạn từ ĐT 636 đến ĐT 638. Hạng mục đường giao thông, trồng cây xanh, hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng, đèn hoa trang trí, bê tông nhựa	DGT	Nhon Phúc	2,23	1,95				0,28
38	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Quốc lộ 19B, đoạn từ Km38+200 đến Km58+100 (sân bay Phù Cát-Bảo Tàng Quang Trung); xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng trên tuyến đường ĐT,637	DGT	phường Nhon Thành; xã Nhon Mỹ	4,77	0,58	0,09			4,10

222

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất					
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	
39	Đường giao thông xã Nhon An: BTXM mở rộng tuyến đường DH 35 đến khu giải mở động vật tập trung thôn Tân Dương 0,8 ha; Nâng cấp mở rộng đoạn đường Thanh Liêm 1 và Công trình nâng cấp mở rộng đoạn đường Hào Đức 1 diện tích 0,11 ha. Tuyến đường giao thông Nhon Mỹ: Mở rộng đường giao thông từ nhà bà Đào đến Trạm bơm Tân Nghi 0,22 ha; Mở rộng tuyến đường Đại An đi Tân Đức 0,78 ha	DGT	Nhon An	0,91	0,89				0,02	
40		DGT	Nhon Mỹ	1,00	0,99				0,01	
41	Công trình tuyến đường dẫn vào Nghĩa trang Nam An Nhon	DGT	Nhon Tân	0,70		0,08			0,62	
42	Hoa viên kết hợp với điểm trung bày cây Mai vàng và các sản phẩm làng nghề truyền thống An Nhon	DKV	Nhon An	1,50	1,50				0,00	
43	Công trình Xây dựng mới Hoa viên theo quy hoạch phân khu	DKV	Nhon Phúc	0,41	0,30				0,11	
44	Công viên trung tâm tại vị trí trung tâm nút giao thông QL1 và tuyến tránh QL1 (kể cả điểm Trung bày các sản phẩm đặc sản)	DKV+ TMD	phường Bình Định	0,78	0,54				0,24	
45	Nâng cấp đường dây DZ110kv Quy Nhon - Nhon Tân - Đồng Phó	DNL	Nhon Tân, Nhon Thọ, Nhon Hòa	0,33	0,09	0,02			0,22	
46	Dự án đầu nối 110kV sau Trạm biến áp 220kV Phước An	DNL	Nhon Hòa	0,02					0,02	
47	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt Bãi chôn lấp chất thải rắn thị xã An Nhon	DRA	Nhon Thọ	1,03		1,03			0,00	

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)
48	Kè Gò Me	DTL	Nhon Thọ	1,86	0,18				1,68
49	Kè sông Thạch Đề từ trạm bơm đội 5 Bằng Châu phường Đập Đá đến giáp ranh cầu bốn Trén, khu vực Lý Tây phường Nhon Thành	DTL	phường Đập Đá	1,40	0,00				1,40
50	Kè từ đoạn Bãi Cát phía trên cầu Trường Thi đến đập Thạnh Hòa	DTL	phường Nhon Hòa	1,46	0,52				0,94
51	Kè từ cầu Trường Thi đến đập Thạnh Hòa (loại phường Bình Định) (tên cũ kh2020: Kè sông Kôn về phía Bắc (đối diện kè từ cầu Trường Thi đến đập Thạnh Hòa) - thị xã An Nhơn)	DTL	phường Bình Định	3,97	0,06				3,91
52	Xây dựng tuyến kè từ cầu Đập Đá cũ đến giáp cầu xe lửa	DTL	phường Nhon Hưng	0,79	0,11				0,68
53	Kè Thuận Thái đoạn qua xã Nhon Phong	DTL	Nhon Phong	0,04	0,00				0,04
54	Đê Bờ Mọ	DTL	phường Nhon Thành	2,35	0,33				2,02
55	Kè Thuận Thái xã Nhon An	DTL	Nhon An	2,05	0,00				2,05
56	Kè Thiết Tràng	DTL	Nhon Mỹ	1,55	0,15				1,40
57	Trần phân lũ bờ tả sông An Tượng	DTL	Nhon Thọ	1,82	0,55				1,27
58	Kè sông Gò Chàm	DTL	Nhon Hưng; Nhon An	0,65	0,00				0,65
59	Nhà máy cấp nước sạch xã Nhon Phúc, Nhon Khánh	DTL	Nhon Phúc	0,42	0,00				0,42
60	Nhà máy cấp nước sinh hoạt phường Nhon Hòa	DTL	Nhon Hòa	2,3	0,68				1,62

*mm*

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất					
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	
61	Xây dựng các hạng mục công trình Để án phát triển làng sản xuất cây Mai vàng Nhơn An (hạng mục đường giao thông)	NKH	Nhơn An, Nhơn Phong.	1,56						1,56
62	Nghĩa trang nhân dân Bắc An Nhơn	NTD	Nhơn Mỹ	13,45	0,00					13,45
63	Khu dân cư số 2 phía đông đường Nguyễn Văn Linh (Dự án 1)	ODT	phường Bình Định, Nhơn Hưng	8,06	7,14					0,92
64	Điểm dân cư phường Đập Đá gồm: Điểm dân cư đội 4 Bằng Châu (Tên KH 2020: Quy hoạch các điểm xen kẹt trong khu dân cư), diện tích 0,05 ha; điểm dân cư xen kẹt 0,41 ha	ODT	phường Đập Đá	0,46						0,46
65	Các điểm dân cư phường Bình Định, gồm: Cụm dịch vụ dân cư đường Ngô Gia Tự, (Nút giao thông 30/3 Ngô Gia Tự đến KDC bắc Ngô Gia Tự); Vị trí xen kẹt để tái định cư hộ bị ảnh hưởng GPMB ông (Thuận, Tân) 0,8 ha; Quy hoạch điểm dân cư nhỏ lẻ khu vực Kim Châu (Vườn ông Thọ), Phía Tây công viên nước 1,2 ha; Quy hoạch KDC tổ 1 khu vực Kim Châu (gần nhà ông Anh); Quy hoạch điểm dân cư xen kẹt Khu Trĩm Liêm (phía Nam đường Mai Dương). Khu Trần Phú (Phía bắc đường 30/3 trên bên xe TX An Nhơn). Khu Mai Xuân Thuồng (Phía Tây trụ sở KV) 1,41 ha	ODT	phường Bình Định	3,41	0,79					2,62

WMC

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)
66	Điểm dân cư Bắc Phương Danh (Tên KH 2020: Quy hoạch đất đô thị (tư vị trí QH khu vui chơi thiếu nhi phường Đập Đá))	ODT	P Đập Đá	0,50	0,00				0,50
67	Khu dân cư phường Nhơn Thành gồm: - Quy hoạch KDC Tô 7 khu vực Châu Thành 2,68 ha; - QH điểm dân cư KV An Lợi (Trước chùa Báo Phước) 1,5 ha; - QH điểm Dân cư Đám Rộc KV. Nhơn Thuận 0,5 ha;	ODT	P Nhơn Thành	4,68	2,93				1,75
68	Khu dân cư số 2 phía đông Nguyễn Văn Linh (dự án 3)	ODT	Phường Bình Định, Nhơn Hưng	6,85	5,50				1,35
69	Khu dân cư số 2 phía đông Nguyễn Văn Linh (dự án 2, phần bổ sung)	ODT	Phường Bình Định	0,30	0,30				0,00
70	Khu dân cư tiếp giáp với KDC N4A nối dài về phía Tây, phường Nhơn Hưng	ODT	phường Nhơn Hưng	3,90	3,90				0,00
71	Khu đô thị TM-DV phía nam đường Đỗ Đốc Báo	ODT	phường Đập Đá	10,00	9,40				0,60
72	Khu dân cư đông Bàn Thành 3	ODT	phường Đập Đá	3,00	2,95				0,05
73	Khu dân cư N4A (dự án 1)	ODT, ONT	phường Nhơn Hưng, Nhơn An	10,60	9,50				1,10
74	Quy hoạch khu dân cư trung tâm xã Nhơn Thọ	ONT	Nhơn Thọ	2,51		0,00			2,51

mar

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất					
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	
75	Khu quy hoạch dân cư và chợ Cảnh Hàng xã Nhon Phong (giai đoạn 2)	ONT	Nhon Phong	2,83	2,45				0,38	
76	Khu dân cư phía Nam rộc chợ	ONT	Nhon Phong	1,50	1,50				0,00	
77	Quy hoạch khu dân cư trung tâm xã (giai đoạn 3)	ONT	Nhon An	1,80	1,80	0,00			0,00	
78	Khu dân cư phía Nam khu dịch vụ dân cư đường Tây tỉnh	ONT	Nhon Phúc	0,52	0,25				0,27	
79	Quy hoạch điểm lẻ dân cư	ONT	Nhon Hậu	0,25					0,25	
80	Quy hoạch khu dân cư năm 2002	ONT	Nhon Hậu	0,66					0,66	
81	Khu dân cư đường N4A nối dài về phía Đông (giai đoạn 1 thi công trục đường chính) và điểm tái định cư	ODT +DGT	phường Nhon Hưng, xã Nhon An	3,58	1,00				2,58	
82	Làng nghề tiện gỗ mỹ nghệ Nhon Hậu, thị xã An Nhon. Hàng mục xây dựng hạ tầng kỹ thuật chung	SKC	Nhon Hậu	0,99					0,99	
83	Điểm sản xuất kinh doanh xã Nhon An	SKC	Nhon An	0,63					0,63	
84	Cụm công nghiệp Tân Đức	SKN	Nhon Mỹ	23,70					23,70	
85	Cụm công nghiệp Nhon Tân 1 - phần mở rộng	SKN	Nhon Tân	15,90	0,90	14,00			1,00	
86	Điểm thương mại dịch vụ phường Bình Định	TMĐ	phường Bình Định	0,17	0,10				0,07	
87	Khu đất quy hoạch thương mại dịch vụ thuộc Khu QH dân cư trung tâm kết hợp đầu tư mở rộng chợ Nhon Tân	TMĐ	Nhon Tân	1,27	1,27					

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)
88	Xây dựng kho lưu trữ Thị ủy	TSC	phường Bình Định	0,15	0,00				0,15
89	Mô đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án tuyến đường kết nối từ thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây Đầm Thị Nại (174A)	SKX	xã Nhơn Tân, Nhơn Lộc	17,00		17,00			
90	Mô đất phục vụ Khu dân cư dọc QL19 (mới) xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	SKX	Nhơn Tân	6,00		6,00			
<b>XI</b>	<b>THÀNH PHỐ QUY NHƠN</b>			<b>346,86</b>	<b>118,56</b>	<b>15,35</b>	<b>72,50</b>		<b>140,45</b>
1	Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh (Ban quản lý dự án nông nghiệp và PTNT)	DTL	P. Nhơn Bình và P. Nhơn Phú	25,17	7,72	0,76			16,69
2	Cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bờ Suối Trầu khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn (Ban quản lý dự án nông nghiệp và PTNT)	DTL	P. Bùi Thị Xuân P. Trần Quang Diệu	72,75	31,72	0,89			40,14
3	Dự án đường ven biển (ĐT,639) đoạn từ Quốc lộ 1D- Quốc lộ 19 mới mới (Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh)	DGT	P. Nhơn Bình, Nhơn Phú	17,37	9,8				7,57
4	Xây dựng chỉnh trang Mở rộng hẻm số 39 đường Ngô Mây	DGT	P. Nguyễn Văn Cừ	0,04					0,04
5	Khu TĐC phường BTX phục vụ dự án đường Tây Tĩnh	ODT	P. Bùi Thị Xuân	2,64	1,74				0,90
6	Dự án đường Long Vân - Gò Tù và Khu tái định cư Long Vân - Gò Tù	ODT	P. Trần Quang Diệu	2,92	0,89				2,03
7	Khu đô thị Trường Vân 2	ODT	P. Nhơn Phú	42,49	27,2				15,29

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất					
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	
8	Trung tâm Trí tuệ nhân đạo - Đô thị phụ trợ (Công ty TNHH Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn) (P. Trần Quang Diệu: 40,57ha, trong đó đất LUC 16,19ha; P. Bùi Thị Xuân: 52,68ha, trong đó đất LUC 23,28ha)	ODT	P. Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân	93,25	39,49				53,76	
9	GPMB công trình miêu Hải (thuộc đoạn kè dự án Khu đô thị Thương mại Bắc sông Hà Thanh, khu C)	TIN	P. Nhơn Bình	0,03					0,03	
10	Khu đất một phần Điểm 8C tuyến Quy Nhơn-Sông Cầu, thành phố Quy Nhơn	TMĐ	P. Ghềnh Ráng	4,00					4,00	
11	Mô đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Khu dân cư phía Bắc sông Hà Thanh, phường Nhơn Bình (mô đất QN03)	SKX	Bùi Thị Xuân	7,00			7,00			
12	Mô đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Khu tái định cư thuộc Khu Đô thị-du lịch-Văn Hóa-Thể thao Hồ Phú Hòa và Dự án môi trường bền vững TP Quy Nhơn (mô đất QN03)	SKX	Bùi Thị Xuân	2,50			2,50			
13	Mô đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án phát triển quy đất do Trung tâm Phát triển quy đất làm chủ đầu tư	SKX	Bùi Thị Xuân	13,70		13,70				
14	Mô đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ ID- Quốc lộ 19 mới (mô đất QN03)	SKX	Bùi Thị Xuân	18,00			18,00			

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)
15	Mở đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiên-Diêm Vân	SKX	Bùi Thị Xuân	19,50		19,50			
16	Mở đất làm vật liệu sang lấp phục vụ thi công dự án đường Điện Biên phủ nối dài đến Khu Đô thị Diêm Vân	SKX	Bùi Thị Xuân	3,50		3,50			
17	Mở đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Khu đô thị Long Vân (mở đất QN03)	SKX	Bùi Thị Xuân	5,00		5,00			
18	Mở đất phục vụ dự án Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân và Khu tái định cư Quảng Vân (Ban quản lý dự án nông nghiệp và PTNT)	SKX	P. Bùi Thị Xuân	14,00		14,00			0,00
19	Mở đất phục vụ dự án Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh (Ban quản lý dự án nông nghiệp và PTNT)	SKX	P. Bùi Thị Xuân	3,00		3,00			
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>1.408,14</b>	<b>449,66</b>	<b>246,30</b>	<b>95,63</b>		<b>616,55</b>

*mm*

**BIỂU 02: DANH MỤC BỔ SUNG CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG DƯỚI 10 HÉC TA ĐẤT TRỒNG LÚA,  
DƯỚI 50 HÉC TA ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT, DƯỚI 20 HÉC TA ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ,  
DƯỚI 20 HÉC TA RỪNG ĐẶC DỤNG NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**  
(Kèm theo Nghị quyết số 13/2021/NQ - HĐND ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	
<b>I</b>	<b>HUYỆN AN LÃO</b>			3,86	3,86				
1	Xây dựng tuyến đường dây dẫn điện 35KV thuộc dự án Thủy điện Đồng Mít	DTL	Xã An Trung, Xã An Tân, Xã An Hòa, Thị trấn An Lão	0,02	0,02				
2	Xây dựng Cầu Xóm Vạn (Km27+500) tuyến DT.629; Cầu Kiềm (Km25+350) tuyến DT.632	DGT	Xã An Hòa	0,01	0,01				
3	Xây dựng Cầu Đốc Trền (Km22+500) tuyến DT.629	DGT	Xã An Hòa	0,20	0,20				
4	Nâng cấp, xây dựng cầu Cạn tại đoạn ngập nước Trà Cong, tuyến DT. 629 (Bông Sơn - An Lão)	DGT	Xã An Hòa	1,20	1,20				
5	Hoàn trả tuyến đường từ nghĩa trang liệt sỹ An Hòa đến công trình Hồ chứa nước Đồng Mít	DGT	Xã An Hòa, Xã An Tân, Xã An Trung, thị trấn An Lão	0,19	0,19				
6	Hệ thống Kênh tưới Hồ Đồng Mít	DTL	Xã An Trung	2,24	2,24				

*mm*

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất			
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
<b>II HUYỆN HOÀI AN</b>								
1	Dự án khắc phục cấp bách tuyến đường từ xã Ân Hào Tây, huyện Hoài Ân đi xã An Hòa, huyện An Lão, kết hợp sử dụng làm đường tránh phía tây tuyến ĐT 629 trong mùa mưa lũ	DGT	Xã Ân Hào Tây	0,91	0,91			
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Diêm Tiêu - Kim Sơn; Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng trên tuyến đường ĐT.629	DGT	Xã Ân Tường Đông; Xã Ân Tường Tây, xã Ân Nghĩa	4,28	0,48	1,30	2,50	
3	Xây dựng cầu Bến Muồng (Km5+850) tuyến ĐT 629	DGT	Xã Ân Mỹ	0,88	0,88			
4	Tuyến đường Trạm điện đến cầu Tự Tực	DGT	TT Tăng Bạt Hổ, xã Ân Phong	2,32	2,32			
5	Xây dựng tuyến đường dây dẫn điện 35kV thuộc Dự án Thủy điện Đồng Mít	DNL	Ân Hào Đông, Ân Mỹ	0,04	0,02	0,02		
6	Xây dựng Nghĩa trang nhân dân thị trấn Tăng Bạt Hổ	NTD	Xã Ân Đức	0,50		0,50		
7	Khu dân cư Diêu Tường (tái định cư) thuộc Tuyến nâng cấp, mở rộng đường Ân Phong đi Ân Tường Đông)	ONT	Xã Ân Tường Đông	0,17	0,17			
<b>III THI XÃ HOÀI NHON</b>								
1	Mở rộng các trường Trung Học cơ sở và trường Tiểu học số 2	DGD	Tam Quan	0,11	0,11			
				130,17	24,08	100,32	5,77	

mm



STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	
2	Nâng cấp mở rộng đường số 2 (đoạn kết nối đường DT638 với đường DT639)	DGT	Xã Hoai Châu, Xã Hoai Châu Bắc	0,35	0,35				
3	Mở rộng các tuyến đường thuộc phường Hoai Xuân	DGT	Phường Hoai Xuân	0,06	0,06				
4	Nâng cấp mở rộng các tuyến đường xã Hoai Mỹ	DGT	Xã Hoai Mỹ	0,59	0,59				
5	Mở rộng các tuyến đường thuộc phường Hoai Thanh	DGT	Phường Hoai Thanh	0,72	0,72				
6	Mở rộng, nâng cấp và thảm nhựa tuyến đường từ UBND phường đến giáp đường Quốc lộ 1A - Gò Dài	DGT	Phường Tam Quan Bắc	0,20	0,20				
7	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thuộc phường Hoai Hào	DGT	Phường Hoai Hào	0,39	0,39				
8	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường thuộc xã Hoai Phú	DGT	Xã Hoai Phú	0,31	0,31				
9	Nâng cấp, làm mới các tuyến đường thuộc xã Hoai Châu	DGT	Xã Hoai Châu	0,20	0,20				
10	Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) qua địa bàn thị xã Hoai Nhon	DGT	Hoai Thanh Tây, Hoai Thanh, Tam Quan Nam	9,90	9,90				
11	Tuyến đường nội đồng Đồng Chùa thôn Tủy Sơn	DGT	Xã Hoai Sơn	0,18	0,18				
12	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số	DGT	Xã Hoai Sơn	6,65		5,15	1,50		

*Handwritten signature or mark.*

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất			
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
13	Hỗ trợ đầu tư xây dựng tuyến đường thay thế đường Trần Phú	DGT	Phường Hoài Hảo	0,30	0,30			
14	Đường dây dẫn điện của Thủy điện Đồng Mít	DNL	Phường Bồng Sơn	0,01	0,01			
15	Các nhà văn hóa tổ của phường Hoài Tân	DSH	Phường Hoài Tân	0,03	0,03			
16	Các tuyến kênh mương thủy lợi thuộc phường Bồng Sơn	DTL	Phường Bồng Sơn	0,09	0,09			
17	Xây dựng kè cấp bách sạt lở, bảo vệ khu dân cư	DTL	Phường Hoài Đức, Phường Hoài Xuân, Xã Hoài Mỹ	0,07	0,02	0,05		
18	Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở sông Kim Sơn, phường Hoài Đức, thị xã Hoài Nhơn	DTL	Phường Hoài Đức	0,02	0,02			
19	Kiên cố hóa kênh mương: Từ Định Trị đến giáp trạm bơm Mỹ Thọ; từ hồ Cây Khê đến giáp bình hạ thế Phú Xuân	DTL	Xã Hoài Mỹ	2,75	2,75			
20	Chỉnh trị dòng chảy suối Găng	DTL	Xã Hoài Châu	0,35	0,35			
21	Đất khu dân cư: - Khu hành chính, dịch vụ và dân cư tuyến đường Bạch Đằng (giai đoạn 2): 0,18ha. - Khu tái định cư vùng thiên tai Bàu Rong (6,30ha)	ODT	Phường Bồng Sơn	6,30	6,30			
22	Khu tái định cư phục vụ GPMB để thi công tuyến đường Bình Chương - Hoài Mỹ (Hoài Đức: 0,66ha, Hoài Mỹ: 0,70ha)	ODT ONT	Hoài Đức, Hoài Mỹ	1,16	0,70	0,46		

my

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	
23	Khu dân cư xã Hoài Mỹ năm 2021(KH2020 chuyên tiếp)	ONT	Xã Hoài Mỹ	2,78	0,50	2,28			
24	Cụm công nghiệp tại khu phố Giao Hội 2	SKN	Phường Hoài Tân	24,65		24,65			
25	Công trình đường hầm Sh02-BD13/ thị xã Hoài Nhơn	CQP	Phường Hoài Hào	4,40		2,93	1,47		
26	Dự án Trồng cây ăn quả, nuôi cá kết hợp vườn dừa sinh thái	NKH	Phường Bồng Sơn	2,20			2,20		
27	Chính trang thị xã Hoài Nhơn (bộ chữ trang trí núi Bình Chương)	DKV	Phường Hoài Đức	0,60			0,60		
28	Mỏ đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) qua thị xã Hoài Nhơn	SKX	phường Hoài Thanh Tây	16,00		16,00			
29	Mỏ đất thuộc thôn Phú Xuân (10ha), Mỏ đất Gò Bà Nông (19,20ha), Mỏ đất phía Nam Đồi Pháo (19,6ha)	SKX	Phường Bồng Sơn, phường Hoài Hào, phường Hoài Thanh Tây và xã Hoài Mỹ	48,80		48,80			
<b>IV</b>	<b>HUYỆN PHÙ MỸ</b>			46,49	19,67	21,28	5,54		
1	Nâng cấp mở rộng tuyến đường Nhà đá - An Lương	DGT	Mỹ Hiệp, Mỹ Cát, Mỹ Chánh	0,40	0,40				
2	Tuyến đường kết nối từ phía tây tỉnh (ĐT638) đến đường ven biển (639)	DGT	Mỹ Thành, Chánh, Chánh Tây, Quang, Trinh và TT Phù Mỹ	10,88	9,95	0,93			



*mm*

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất			
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Diêm Tiêu - Kim Sơn; Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng trên tuyến đường ĐT.629	DGT	Xã Mỹ Trinh	1,40				
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.632, đoạn từ Km0+00 - Km7+100	DGT	Thị trấn Phù Mỹ; Xã Mỹ Quang; Mỹ Chánh Tây; Mỹ Chánh	0,50				
5	Đường dây 220Kv đầu nối nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ vào Trạm 220kv Phù Mỹ	DNL	Mỹ Trinh, Mỹ Phong, Mỹ Lợi, Mỹ An, Mỹ Thắng	0,86	0,14	0,65	0,07	
6	Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự Mỹ Cát	CQP	Mỹ Cát	0,23				
7	Quy hoạch Trạm dừng chân Mỹ Hiệp	TMD	Mỹ Hiệp	2,00				
8	QH trồng cây lâu năm kết hợp du lịch sinh thái	TMD	Mỹ Hoà	2,70				
9	QH Cửa hàng xăng dầu (Cty TNHH MTV Tân Hoàng Tín)	TMD	Mỹ Lộc	0,80				
10	Quy hoạch đê An Giang	DTL	Mỹ Đức	0,06				
11	Quy hoạch công viên	DKV	Mỹ Chánh	1,49				
12	Mô đất san lấp phục vụ đường kết nối từ phía tây tỉnh (ĐT638) đến đường ven biển (ĐT639)	SKX	Mỹ Trinh	19,70		19,70		
13	Mô đất san lấp phục vụ dự án đường ven biển (ĐT.639) đoạn Đê Gi-Mỹ Thành	SKX	Mỹ Chánh	2,47			2,47	

mnc

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	
14	Mô đất san lấp thôn Công Trung	SKX	Mỹ Chánh	3,00	0		3,00		
V	<b>HUYỆN PHÙ CÁT</b>			46,04	2,15	25,53	18,36		
1	Trường Mẫu giáo bán trú xã Cát Minh	DGD	Cát Minh	0,45	0,45				
2	Sửa chữa hư hỏng cục bộ, tăng cường cường mặt đường, xây dựng hệ thống thoát nước, ATGT trên tuyến ĐT.638 đoạn Km92+400 - Km95+300; Km103+830 - Km107+240; Km108+640 - Km110+660; Km111+300 - Km111+350	DGT	Xã Cát Hiệp	0,30	0,30				
3	Kè chống sạt lở sông La tỉnh	DTL	Cát Hanh	0,40	0,40				
4	Khu TĐC (phía đông suối Ông Sung) xã Cát Tiến	ODT	Cát Tiến	1,00	1,00				
5	Mô đất san lấp dự án đường Cát Tiến-Diêm Vân	SKX	Cát Tường	13,00		13,00			
6	Khai thác ti tan (Công ty CP KS Bình Định)	SKX	Cát Thành	18,36	0		18,36		
7	Mô đất san lấp dự án Khu đất ở dịch vụ thương mại tại Km0+280, đường trục Khu kinh tế nói dài (PC08)	SKX	Cát Thành	7,53		7,53			



WWS

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất			
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
8	Mô đất san lấp dự án Khu TĐC thôn An Quang, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát phục vụ dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến-Dề Gi	SKX	Cát Khánh	5,00	5,00			
<b>VI HUYỆN TUY PHƯỚC</b>					<b>15,74</b>	<b>4,17</b>		
1	Mở rộng, Nâng cấp tuyến đường từ Vinh Quang 1 - Dương Thiện	DGT	xã Phước Sơn	1,50	1,5			
2	Mở rộng nút giao từ QL19 mới đến cầu Bà Di	DGT	Xã Phước Lộc	0,20	0,2			
3	Khu dân cư phía Nam và phía Bắc đường Táng Bạt Hồ, khu phố Diêu Trì, thị trấn Diêu Trì.	ODT	thị trấn Diêu Trì	9,87	9,87			
4	Dự án khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Sơn Triều (Cty CP VLXD Mỹ Quang)	SKX	Xã Phước Lộc	4,17	4,17			
<b>VII HUYỆN TÂY SƠN</b>					<b>67,29</b>	<b>26,26</b>		
1	Nâng cấp, mở rộng đường qua các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia đặc biệt và các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia trên địa bàn huyện Tây Sơn	DGD	Xã Bình Tường	0,05	0,05			
2	Nâng cấp mở rộng QL19B	DGT	Xã Bình Hòa, Xã Bình Thành, Xã Tây An, Xã Tây Bình, Thị trấn Phú Phong	1,30	1,30			

m



STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường DT.636, đoạn từ Km24+00 – Km28+450	DGT	Xã Bình Nghi	1,70	1,70				
4	Sửa chữa hư hỏng cục bộ, nâng tăng cường mặt đường, xây dựng hệ thống thoát nước, ATGT trên tuyến DT.638 đoạn Km92+400 - Km95+300; Km103+830 - Km107+240; Km108+640 - Km110+660; Km111+300 - Km111+350	DGT	Xã Tây An	0,30	0,30				
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường QL.19B, đoạn từ Km38+200 – Km58+100 (Sân bay Phú Cát - Bảo tàng Quang Trung); Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng trên tuyến đường DT.637	DGT	Xã Bình Hòa, Xã Bình Thành, Xã Tây An, Xã Tây Bình, Thị trấn Phú Phong	1,30	1,30				
6	Dự án xây dựng tuyến đường tránh phía Nam thị trấn Phú Phong	DGT	xã Bình Nghi, Tây Xuân, Tây Phú, Bình Tường	37,99	8,53	29,46			
7	Dự án nâng cấp DZ 110kV Quy Nhơn - Nhơn Tân - Đồng Phú	DNL	Xã Bình Nghi, Tây Phú, Tây Giang, Tây Xuân, Bình Tường, TT. Phú Phong	0,27	0,20	0,07			
8	Khắc phục lũ lụt sạt lở - kè chống sạt lở bờ sông Kôn	DTL	Xã Bình Thành, Thị trấn Phú Phong	0,31	0,31				
9	Khu dân cư Tây Xuân	ONT	Tây Xuân	2,41	2,41				
10	Khu dân cư xã Tây Phú	ONT	Tây Phú	8,60	8,60				

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất			
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
11	Mô đất san lấp dự án Khu dân cư dọc QL19 (mới) xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước (giai đoạn 1)	SKX	xã Bình Nghi	6,50	6,50			
12	Mô vật liệu xây dựng (đất sét)	SKX	xã Tây Giang	1,56		1,56		
13	Mô đất san lấp tại thôn đồng Sim, xã Tây Xuân (phục vụ công trình Đập dâng Phú Phong).	SKX	Xã Tây Xuân	5,00	5,00			
<b>VIII HUYỆN VĂN CANH</b>				<b>5,88</b>		<b>1,38</b>	<b>4,50</b>	
1	Đầu tư hệ thống cấp nước cho Khu công nghiệp Becamex Bình Định	SKC	Canh Vinh	0,40		0,40		
2	Sửa chữa, nâng cấp hồ Suối Máy, thị trấn Văn Canh	DTL	TT Văn Canh	0,98		0,98		
3	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM)	DGT	Canh Hiệp, Canh Liên	4,50			4,50	
<b>IX HUYỆN VINH THẠNH</b>				<b>16,00</b>		<b>1,23</b>	<b>5,68</b>	<b>9,09</b>
1	Đất giao thông xã Vĩnh Hảo	DGT	Vĩnh Hảo	0,72		0,40	0,32	
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM)	DGT	xã Vĩnh Hảo, Vĩnh Sơn, Vĩnh Kim, thị trấn Vĩnh Thạnh	12,25		0,80	2,36	9,09

*nm*

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	
3	Mô đất san lấp phục vụ dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM)	SKX	TT Vĩnh Thành	3,00		3,00			
4	Đất trụ sở thôn Định Nhất	DSH	Vĩnh Hào	0,03	0,03				
X	<b>THỊ XÃ AN NHƠN</b>			193,43	106,11	87,32			
1	Xây dựng thao trường huấn luyện xã Nhơn Tân	CQP	Nhơn Tân	35,30	0,80	34,50			
2	Trường mẫu giáo phường Nhơn Hòa (điểm chính Tân Hòa)	DGD	Phường Nhơn Hòa	0,25	0,25				
3	Tuyến đường trục Đông - Tây của thị xã: Đoạn từ bến xe mới thị xã Cầu Mương Đồi	DGT	Nhơn An, Nhơn Phong	1,88	1,88				
4	Đường dọc theo kè Trường Thi đoạn từ cầu Trường Thi đến đập Thanh Hòa (về phía Bắc)	DGT	Phường Bình Định	1,90	1,90				
5	Năng cấp tuyến đường đê bao phường Bình Định (giai đoạn 1)	DGT	Phường Bình Định	1,22	1,22				
6	Đường HTX Nông nghiệp II đi cầu Mương Đồi	DGT	Phường Nhơn Thành	0,65	0,65				
7	Khu dân cư đường N4A nối dài về phía Đông (giai đoạn I thi công trục đường chính) và điểm tái định cư	DGT	Nhơn Hưng và Nhơn An	1,00	1,00				

*mm*

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất			
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
8	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT631 (đoạn từ ngã 3 Bàu Sáo, phường Nhon Hưng đến chợ Quán Mới, xã Nhon Hạnh) (Tên cũ: Mỏ rộng đường ĐT.631 (đoạn xã Nhon A, Nhon Phong và Nhon Hạnh)	DGT	Nhon An, Nhon Phong và Nhon Hạnh, Nhon Hưng	2,50	2,50			
9	Nâng cấp tuyến đường đê bao phường Bình Định (giai đoạn 2)	DGT	Phường Nhon Hưng	0,40	0,40			
10	Nâng cấp, mở rộng mặt đường ĐT.636 (đoạn từ đường sắt phường Bình Định đến ngã tư giao nhau đường Tây tỉnh) (đoạn xã Nhon Khánh và xã Nhon Phúc)	DGT	Nhon Khánh, Nhon Phúc	4,10	4,10			
11	Tuyến đường ĐT 631 - đến Đá Thanh Giang	DGT	Nhon Phong	0,20	0,20			
12	Nâng cấp, mở rộng đường Tăng Bạt Hổ rộng 5m x 1300m	DGT	Phường Bình Định	1,09	1,09			
13	Nâng cấp mở rộng tuyến đường kết nối các điểm di tích văn hóa, lịch sử phường Nhon Thành, thị xã An Nhon	DGT	Phường Nhon Thành	0,60	0,60			
14	Nâng cấp mở rộng đường Trương Định (đoạn từ QL19B đến giáp đường sắt) 0,5 ha và công trình Đường đầu nối với quốc lộ 1A; Quy hoạch đường giao thông từ Châu Thành đến Quốc lộ 19B; Quy hoạch đường giao thông từ Phú Thành đến đường ĐT635 diện tích 2,35 ha.	DGT	Phường Nhon Thành	0,35	0,35			
15	Cầu Thiết Tràng xã Nhon Mỹ	DGT	Nhon Mỹ	0,31	0,31			



STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	
16	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông xã Nhon Hậu, gồm: Mở rộng nút giao thông (công làng nghề đi Sở Tây Văn Sơn) 0,02 ha; Mở rộng đường giao (công làng nghề Bùn đến Khu QH Ngãi Chánh 4) 1,5 ha; Mở rộng giao thông Trường Mẫu giáo Thanh Danh-dê Thanh Danh 0,67 ha; Mở rộng đường giao thông từ nhà ông Quận đến Nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng Bắc Nham Tháp 0,95 ha; Bỏ vỉa, lát gạch Block và hệ thống thoát nước đoạn đường từ nhà ông Trần Mai đến giáp nhà ông Phạm Hữu Phát và đoạn từ nhà ông Nguyễn Đình Trùng đến giáp nhà ông Cừ Minh Nghĩa) 1,0 ha; Nâng cấp, mở rộng BTXM xây dựng hệ thống thoát nước tuyến đường nhà ông Tùng-hai Voi Đá 0,77 ha; Công trình Lát vỉa hè, hệ thống thoát nước đường xã Nhon Hậu-Đập Đá (đoạn từ nhà ông Việt đến Trường Tiểu học) 0,48 ha.	DGT	Nhon Hậu	0,63	0,63				
17	BTXM mở rộng tuyến đường Gò Lao đến giáp xã Nhon Tân	DGT	Nhon Lộc	0,20	0,20				
18	Đường An Thái nổi dài	DGT	Nhon Phúc	0,24	0,24				
19	Tuyết đường Bắc Nam số 3 (Đường liên phường đoạn từ đường N4A đến Công làng nghề bún Ngãi Chánh	DGT	Nhon Hưng; Nhon Hậu	5,60	5,60				

*mm*

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất			
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
20	Tuyết đường N4, khu vực Hòa Cư	DGT	Nhon Hung	4,10	4,10			
21	Tuyến đường trục Đông - Tây: Đoạn từ ĐT.636, xã Nhon Khánh kết nối với đường Quốc lộ 19	DGT	Nhon Khánh, Nhon Lộc, Nhon Thọ	8,30	8,30			
22	Mở rộng tuyến đường từ kênh N4 (Thọ Phước)- Thọ Bình-Thọ An Bắc	DGT	Nhon Thọ	0,90	0,90			
23	Cầu Thị Lụa mới	DGT	Nhon Mỹ, Nhon Hậu	0,74	0,74			
24	Tuyến đường Bắc - Nam số 2: Đoạn từ đường ĐH34, xã Nhon Hậu kết nối với đường Quốc lộ 19B, phường Nhon Thành	DGT	Nhon Hậu, Nhon Thành	1,60	1,60			
25	Nâng cấp mở rộng tuyến ĐH.41 Cánh Hàng - Phú Đa	DGT	Nhon An, Nhon Phong, Nhon Hạnh	1,19	1,19			
26	Nâng cấp mở rộng tuyến giao thông Nhon Hậu - Nhon Khánh (đoạn từ đường ĐH34, xã Nhon Hậu kết nối với đường ĐT.636, xã Nhon Khánh)	DGT	Nhon Hậu, Nhon Khánh	1,10	1,10			
27	Tuyến đường từ khu tái định cư Quốc lộ 19, Huỳnh Kim đi An Lộc, phường Nhon Hoà	DGT	Phường Nhon Hòa	3,41	3,41			
28	Nút giao đường Lê Hồng Phong đầu nối với Quốc lộ 1, phường Bình Định (giai đoạn 2)	DGT	Phường Bình Định	0,30	0,30			
29	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Phú (giai đoạn 3)	DGT	Phường Bình Định	0,29	0,29			

*mm*

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	
30	Nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông phường Nhơn Hưng, gồm: Mở rộng đường giao thông (đoạn từ đường Trường Chinh đến Chùa Thiên Hưng); Mở rộng phối soi tuyến đường từ trường Chánh Thanh - Cây Gòn; Mở rộng phối soi tuyến đường từ trụ sở khu vực An Ngãi-Nhà ông tú 0,12 ha; Mở rộng, bê tông thảm nhựa, lát gạch vỉa hè tuyến đường Chu Văn An 0,1 ha; Mở rộng, bê tông đường giao thông từ nhà ông Thông đến Công ông Quỳnh 0,13 ha; Mở rộng, bê tông đường giao thông từ nhà ông Dũng đến nhà ông Chin 0,03 ha;	DGT	Nhơn Hưng	0,16	0,16				
31	Dự án: Tuyến đường trục Bắc Nam đoạn từ DT 636 đến DT 638. Hàng mục đường giao thông, trồng cây xanh, hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng, đèn hoa trang trí, bê tông nhựa	DGT	Nhơn Phúc	1,95	1,95				
32	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Quốc lộ 19B, đoạn từ Km38+200 đến Km58+100 (sân bay Phú Cát-Bảo Tầng Quang Trung); xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng trên tuyến đường DT,637	DGT	Phường Nhơn Thành; xã Nhơn Mỹ	0,67	0,58	0,09			



*mm*

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất			
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
33	Đường giao thông xã Nhon An: BTXM mở rộng tuyến đường DH 35 đến khu giết mổ động vật tập trung thôn Tân Dương 0,8 ha; Nâng cấp mở rộng đoạn đường Thanh Liêm 1 và Công trình nâng cấp mở rộng đoạn đường Hào Đức 1 diện tích 0,11 ha.	DGT	Nhon An	0,89	0,89			
34	Tuyến đường giao thông Nhon Mỹ: Mở rộng đường giao thông từ nhà bà Đào đến Trạm bơm Tân Nghi 0,22 ha; Mở rộng tuyến đường Đại An đi Tân Đức 0,78 ha	DGT	Nhon Mỹ	0,99	0,99			
35	Công trình tuyến đường dẫn vào Nghĩa trang Nam An Nhon	DGT	Nhon Tân	0,08	0,08			
36	Hoa viên kết hợp với điểm trưng bày cây Mai vàng và các sản phẩm làng nghề truyền thống An Nhon	DKV	Nhon An	1,50	1,50			
37	Công trình Xây dựng mới Hoa viên theo quy hoạch phân khu	DKV	Nhon Phúc	0,30	0,30			
38	Công viên trung tâm tại vị trí trung tâm nút giao thông QL1 và tuyến tránh QL1 (kể cả điểm Trưng bày các sản phẩm đặc sản)	DKV+T MD	P Bình Định	0,54	0,54			
39	Nâng cấp đường dây ĐZ110kv Quy Nhon - Nhon Tân - Đồng Phó	DNL	Nhon Tân	0,11	0,09		0,02	

my

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất			
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
40	Kè Gò Me	DTL	Nhon Thọ	0,18	0,18			
41	Kè từ đoạn Bãi Cát phía trên cầu Trường Thi đến đập Thanh Hòa	DTL	Phường Nhon Hòa	0,52	0,52			
42	Kè từ cầu Trường Thi đến đập Thanh Hòa (đoạn phường Bình Định) (tên cũ kh2020: Kè sông Kôn về phía Bắc (đối diện kè từ cầu Trường Thi đến đập Thanh Hòa) - thị xã An Nhơn)	DTL	Phường Bình Định	0,06	0,06			
43	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt Bãi chôn lấp chất thải rắn thị xã An Nhơn	DRA	Nhon Thọ	1,03		1,03		
44	Xây dựng tuyến kè từ cầu Đập Đá cũ đến giáp cầu xe lửa	DTL	Phường Nhon Hưng	0,11	0,11			
45	Đê Bờ Mỏ	DTL	Phường Nhon Thành	0,33	0,33			
46	Kè Thiết Tràng	DTL	Nhon Mỹ	0,15	0,15			
47	Trần phân lũ bờ tả sông An Tượng	DTL	Nhon Thọ	0,55	0,55			
48	Nhà máy cấp nước sinh hoạt phường Nhon Hòa	DTL	Nhon Hòa	0,68	0,68			
49	Khu dân cư số 2 phía đông đường Nguyễn Văn Linh (Dự án 1)	ODT	Phường Bình Định, Nhon Hưng	7,14	7,14			

mm

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất			
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
50	Các điểm dân cư phường Bình Định, gồm: Cụm dịch vụ dân cư đường Ngô Gia Tự, (Nút giao thông 30/3 Ngô Gia Tự đến KDC bắc Ngõ Gia Tự); Vị trí xen kẹt để tái định cư hộ bị ảnh hưởng GPMB ông (Thuận, Tân) 0,8 ha; Quy hoạch điểm dân cư nhỏ lẻ khu vực Kim Châu (Vườn ông Thọ), Phía Tây công viên nước 1,2 ha; Quy hoạch KDC tổ 1 khu vực Kim Châu (gần nhà ông Anh); Quy hoạch điểm dân cư xen kẹt Khu Vĩnh Liêm (phía Nam đường Mai Dương). Khu Trần Phú ( Phía bắc đường 30/3 trên bên xe TX. An Nhơn). Khu Mai Xuân Thưởng (Phía Tây trụ sở KV) 1,41 ha	ODT	Phường Bình Định	0,79	0,79			
51	Các KDC phường Nhơn Thành: Quy hoạch KDC tổ 7 khu vực Châu Thành; QH điểm Dân cư Đám Rộc KV. Nhơn Thuận	ODT	Phường Nhơn Thành	2,93	2,93			
52	Khu dân cư số 2 phía đông Nguyễn Văn Linh (dự án 3)	ODT	Phường Bình Định, Nhơn Hưng	5,50	5,50			
53	Khu dân cư số 2 phía đông Nguyễn Văn Linh (dự án 2, phần bổ sung)	ODT	Phường Bình Định	0,30	0,30			
54	Khu dân cư tiếp giáp với KDC N4A nói dài về phía Tây, phường Nhơn Hưng	ODT	Phường Nhơn Hưng	3,90	3,90			

*mm*

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	
55	Khu đô thị TM-DV phía nam đường Đỗ Đức Bào	ODT	Phường Đập Đá	9,40	9,40				
56	Khu dân cư đông Bàn Thành 3	ODT	Phường Đập Đá	2,95	2,95				
57	Khu dân cư N4A (dự án 1)	ODT, ONT	Phường Nhơn Hưng, Nhơn An	9,50	9,50				
58	Khu quy hoạch dân cư và chợ Cảnh Hàng xã Nhơn Phong (giai đoạn 2)	ONT	Nhơn Phong	2,45	2,45				
59	Khu dân cư phía Nam rộc chợ	ONT	Nhơn Phong	1,50	1,50				
60	Quy hoạch khu dân cư trung tâm xã (giai đoạn 3)	ONT	Nhơn An	1,80	1,80				
61	Khu dân cư phía Nam khu dịch vụ dân cư đường Tây tính	ONT	Nhơn Phúc	0,25	0,25				
62	Cụm công nghiệp Nhơn Tân 1 - phần mở rộng	SKN	Nhơn Tân	14,90	0,90	14,00			
63	Điểm thương mại dịch vụ phường Bình Định	TMD	Phường Bình Định	0,10	0,10				
64	Khu đất quy hoạch thương mại dịch vụ thuộc Khu QH dân cư trung tâm kết hợp đầu tư mở rộng chợ Nhơn Tân	TMD	Nhơn Tân	1,27	1,27				
65	Khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến trồng cây ăn quả và cây dược liệu	NKH	Nhơn Thọ	14,60		14,60			



*mm*

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất			
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
66	Mô đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án tuyến đường kết nối từ thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây Đầm Thị Nại (174A)	SKX	Nhơn Tân Nhơn Lộc	17,00	17,00			
67	Mô đất phục vụ Khu dân cư dọc QL19 (mới) xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	SKX	Nhơn Tân	6,00	6,00			
XI	<b>THÀNH PHỐ QUY NHƠN</b>			119,70	17,24	73,66	7,77	
1	Bãi đậu xe và dịch vụ bảo dưỡng xe ô tô KIM LIÊN (công ty TNHH vận tải ô tô Kim Liên) - TMD	TMD	Phường Quang Trung	0,73		0,73		
2	Khu dịch vụ bãi đậu xe Thuận Nghĩa	TMD	Phường Quang Trung	0,43		0,43		
3	Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Thiên Khánh	TMD	Phường Ghềnh Ráng	1,94			1,94	
4	Dự án mở rộng Khu du lịch Casa Marina Resort	TMD	Phường Ghềnh Ráng	5,83			5,83	
5	Trạm kiểm định, cứu hộ và bãi đậu xe ô tô (Công ty CP Kiểm định xe ô tô Cường Thiện) - TMD	TMD	Phường Nhơn Bình	0,87			0,87	
6	Cty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Nhân Hoàng Phát (Xưởng sơ chế gỗ)	SKC	xã Phước Mỹ	1,89	1,89			
7	Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh (Ban quản lý dự án nông nghiệp và PTNT)	DTL	Phường Nhơn Bình và Phường Nhơn Phú	8,49	0,76	7,73		

WMS

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	
8	Cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bờ Suối Trầu khu đô thị Long Văn, thành phố Quy Nhơn (Ban quản lý dự án nông nghiệp và PTNT)	DTL	Phường Bùi Thị Xuân và Phường Trần Quang Diệu	0,89		0,89			
9	Dự án đường ven biển (ĐT,639) đoạn từ Quốc lộ 1D- Quốc lộ 19 mới (Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh)	DGT	Phường Nhơn Bình, Nhơn Phú	9,80	9,8				
10	Khu TĐC phường BTX phục vụ dự án đường Tây Tinh	ODT	Phường Bùi Thị Xuân	1,74	1,74				
11	Dự án đường Long Văn - Gò Tù và Khu tái định cư Long Văn - Gò Tù	ODT	Phường Trần Quang Diệu	0,89	0,89				
12	Mô đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Khu dân cư phía Bắc sông Hà Thanh, phường Nhơn Bình (mô đất QN03)	SKX	Bùi Thị Xuân	7,00			7,00		
13	Mô đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Khu tái định cư thuộc Khu Đô thị-du lịch-Văn Hóa-Thể thao Hồ Phú Hòa và Dự án môi trường bền vững TP Quy Nhơn (mô đất QN03)	SKX	Bùi Thị Xuân	2,50			2,50		
14	Mô đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Khu đô thị Long Văn (mô đất QN03)	SKX	Bùi Thị Xuân	5,00	0		5,00		
15	Mô đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án phát triển quỹ đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất làm chủ đầu tư	SKX	Bùi Thị Xuân	13,70		13,70			



*mm*

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích chuyển mục đích (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất			
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
16	Mô đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D- Quốc lộ 19 mới (mô đất QN03)	SKX	Bùi Thị Xuân	18,00		18,00		
17	Mô đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến-Diêm Vân	SKX	Bùi Thị Xuân	19,50		19,50		
18	Mô đất làm vật liệu sang lấp phục vụ thi công dự án đường Điện Biên phủ nối dài đến Khu Đô thị Diêm Vân	SKX	Bùi Thị Xuân	3,50		3,50		
19	Mô đất phục vụ dự án Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân và Khu tái định cư Quảng Vân (Ban quản lý dự án nông nghiệp và PTNT)	SKX	Phường Bùi Thị Xuân	14,00		14,00		
20	Mô đất phục vụ dự án Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh (Ban quản lý dự án nông nghiệp và PTNT)	SKX	Phường Bùi Thị Xuân	3,00		3,00		
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>653,70</b>	<b>222,12</b>	<b>304,39</b>	<b>119,42</b>	<b>7,77</b>

*mm*